

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH CỬU  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2021/HS-ST.  
Ngày: 12/11/2021.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Võ Xuân Sơn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Mỹ
2. Ông Tôn Thất Hưng

*Thư ký phiên tòa:* bà Đinh Thanh Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* bà Thái Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 139/2021/TLST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2021/QĐXXST-HS ngày 02/11/2021 đối với bị cáo:

**Hán Văn S** (tên thường gọi: không có), sinh ngày 20 tháng 02 năm 1996; tại: tỉnh Ninh Thuận; hộ khẩu thường trú: Thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận; nơi cư trú: Ấp N, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 00/12 (không biết chữ); dân tộc: Chăm; giới tính: nam; tôn giáo: Đạo Bà Ni; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hán Văn T, sinh năm: 1967 (còn sống) và bà Thập Thị Mỹ D, sinh năm: 1960 (còn sống); gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình và chưa có vợ, con; tiền sự: không, tiền án: có 02 tiền án: ngày 30/9/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017 - từ đây gọi tắt là Bộ luật Hình sự năm 2017) thời hạn tù tính từ ngày 07/7/2019 (Bản án số 59/2019/HS-ST). Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù vào tháng 01/2020 và chấp hành xong

án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000 đồng ngày 17/02/2020; ngày 08/9/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xử phạt 10 (mười) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2017, thời hạn tù tính từ ngày 08/6/2020 (Bản án số 66/2020/HS-ST). Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/4/2021 và chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000 đồng ngày 18/12/2020; nhân thân: xấu; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/7/2021 theo Quyết định tạm giữ 2346/QĐ-ĐTTH ngày 07/7/2021, sau đó chuyển tạm giam theo Lệnh tạm giam số 2393/QĐ-ĐTTH ngày 15/7/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu cho đến nay. Bị cáo đang bị tạm giam tại Cơ sở tạm giữ, tạm giam Công an huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

\* *Bị hại:* chị Trần Thị U, sinh năm: 1990 (xin vắng mặt).

HKTT: ấp P, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Nơi cư trú: Nhà trọ Toàn Hiền, Ấp M, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Số điện thoại: 0786.xxxxxx

\* *Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai:*

- Ông Trần Gia S – Chủ tịch Hội đồng (không triệu tập);
- Ông Nguyễn Trần Phước L – Phó Chủ tịch Hội đồng (không triệu tập);
- Ông Phan Thanh Đ - Thành viên (không triệu tập);
- Ông Trần Tuấn K – Thành viên (không triệu tập);
- Ông Trương Tấn L – Thành viên (không triệu tập).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

\* Hán Văn S là đối tượng đã bị kết án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích. Khoảng 01 giờ ngày 23/6/2021, S đi bộ từ phòng trọ của mình tại hẻm Văn Phương thuộc Ấp N, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai để chơi lắc bầu cua. Khi đi qua khu vực nhà trọ Toàn Hiền thuộc Ấp M, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai thấy không khóa cửa, S nảy sinh ý định và đi vào tìm tài sản sơ hở để trộm cắp. Khi vào nhà trọ phát hiện phía dưới cánh cửa phòng trọ số 11 có miếng tôn đã bị hờ mối hàn, S cúi xuống nhìn vào thì thấy phòng sáng đèn, trong phòng có chị Trần Thị U đang nằm ngủ, phía trên đầu dưới nền nhà có để một điện thoại di động hiệu Redmi 9T màu cam. S dùng tay bẻ cong miếng tôn phía bên ngoài góc dưới bên phải cửa phòng rồi lấy một cây móc phơi đồ có sẵn gần đó đưa qua chỗ hờ

của cánh cửa phòng trọ khều và lấy điện thoại ra ngoài. Sau khi lấy được điện thoại S mang về nhà sử dụng. Khoảng 03 ngày sau, S đi chơi lắc bầu cua ở gần phòng trọ tại khu vực hẻm Văn Phương bị thua hết tiền nên lấy điện thoại đã trộm bán cho một người đàn ông chơi cùng (không rõ họ tên, địa chỉ) với giá 800.000 đồng và chơi thua hết tiền.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản, chị Trần Thị U đã trình báo sự việc lên Công an xã T, huyện V. Công an xã T đến hiện trường làm việc và truy xét vụ trộm, nghi vấn S thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên mời S về làm việc. Ngày 07/7/2021, tại Công an xã T, S đã đầu thú và khai nhận hành vi trộm cắp tài sản như đã nêu trên.

\* Vật chứng vụ án: 01 điện thoại di động hiệu Redmi 9T màu cam và 01 cây móc phơi đồ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu đã tiến hành truy tìm nhưng không thu hồi được.

\* Tại Kết luận định giá tài sản số 52/KL-ĐGTS ngày 09/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Vĩnh Cửu kết luận: một điện thoại di động hiệu Redmi 9T trị giá 1.700.000 (một triệu bảy trăm ngàn) đồng.

\* Về trách nhiệm dân sự: chị Trần Thị U yêu cầu được nhận lại điện thoại di động hiệu Redmi 9T màu cam. Nếu điện thoại không thu hồi được thì chị yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 3.690.000 đồng là số tiền chị đã mua điện thoại (bị cáo chưa bồi thường).

\* Cáo trạng số 91/CT-VKS-KSHS ngày 05 tháng 10 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo Hán Văn S về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố, không thay đổi, bổ sung, rút quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Hán Văn S mức án tù từ 08 tháng tù đến 10 tháng tù; đề nghị áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2017, Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc bị cáo phải bồi thường cho chị U số tiền 3.690.000 đồng. Đối với số tiền 2.300.000 đồng chị U khai bị mất cùng với điện thoại di động, bị cáo không thừa nhận, chị U không có cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên đề nghị không xử lý. Ngoài ra buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Ý kiến tự bào chữa của bị cáo Hán Văn S: thống nhất bản luận tội, không có ý kiến gì thêm.

Bị cáo Hán Văn S nói lời sau cùng: bị cáo đã nhận thức được việc làm sai trái của mình. Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm đoàn tụ với gia đình.

## NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1]. Tại phiên tòa, bị cáo Hán Văn S có mặt, bị hại chị Trần Thị U có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, bị hại, người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[3]. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị cáo Hán Văn S đã khai và thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại chị Trần Thị U, biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, thể hiện: Khoảng 01 giờ ngày 23/6/2021, tại nhà trọ Toàn Hiền thuộc Ấp M, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai, lợi dụng phía bên ngoài góc dưới bên phải cánh cửa phòng trọ số 11 của chị Trần Thị U có miếng tôn đã bị hở mối hàn, Hán Văn S nhìn thấy phòng sáng đèn nhưng chị U đang nằm ngủ dưới nền nhà, phía trên đầu có một điện thoại di động hiệu Redmi 9T màu cam, S đã dùng tay bẻ cong miếng tôn, lấy một cây móc phơi đồ có sẵn gần đó đưa qua chỗ hở của cánh cửa phòng trọ khều, lấy điện thoại ra ngoài và mang về nhà sử dụng. Khoảng 03 ngày sau, S đi chơi lác bầu cua ở gần phòng trọ tại khu vực hẻm Văn Phương bị thua hết tiền nên lấy điện thoại đã trộm bán cho một người đàn ông chơi cùng (không rõ họ tên, địa chỉ) với giá 800.000 đồng và chơi thua hết tiền.

[4]. Xét thấy, tuy giá trị chiếc điện thoại di động hiệu Redmi 9T màu cam bị cáo Hán Văn S theo Kết luận định giá tài sản số 52/KL-ĐGTS ngày 09/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện Vĩnh Cửu chỉ là 1.700.000 đồng nhưng Hán Văn S là người đã có tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng để có tiền tiêu xài, bị cáo đã lợi dụng sơ hở, cố ý thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt của chị Trần Thị U chiếc điện thoại di động hiệu Redmi 9T màu cam, sau đó bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, không thu hồi được. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Hán Văn S đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2017

nghư Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai truy tố.

[5]. Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét:

[5.1]. Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: hành vi của bị cáo được quy định là ít nghiêm trọng, nhưng là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an ở địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Khi thực hiện tội phạm, bị cáo chỉ thực hiện một mình, không có đồng phạm.

[5.2]. Về nhân thân bị cáo: Có nhân thân xấu, thể hiện tại thời điểm phạm tội đã 02 lần bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản”.

[5.3]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình tố tụng đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội bị cáo đã đầu thú, bị cáo có trình độ văn hóa thấp, nhận thức pháp luật kém nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2017;

[5.4]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có. Vì tình tiết tái phạm đã là dấu hiệu định tội.

[5.5]. Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự năm 2017 quyết định áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[6]. Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động hiệu Redmi 9T màu cam và 01 cây móc phơi đồ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu đã tiến hành truy tìm nhưng không thu hồi được nên không xem xét.

[7]. Về biện pháp tư pháp, trách nhiệm dân sự: chị Trần Thị U yêu cầu được nhận lại điện thoại di động hiệu Redmi 9T màu cam và bị cáo bồi thường số tiền mất bị mất là 2.300.000 đồng. Trường hợp điện thoại không thu hồi được thì yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 3.690.000 đồng là số tiền đã mua điện thoại. Đối với yêu cầu của chị U xét thấy, điện thoại di động hiệu Redmi 9T màu cam chị U mua tháng 5/2021, sử dụng đến ngày 23/6/2021 thì bị cáo chiếm đoạt, sử dụng và sau đó bán cho người khác (không xác định được nhân thân, lý lịch), không thu hồi được. Theo Kết luận định giá tài sản số 52/KL-ĐGTS ngày 09/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện Vĩnh Cửu kết luận có trị giá là 1.700.000 (một triệu bảy trăm ngàn) đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường giá trị chiếc điện thoại chiếm đoạt như yêu cầu của chị U là 3.690.000 đồng. Xét thấy đây là sự tự nguyện của bị cáo, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên chấp nhận. Đối với số tiền 2.300.000 đồng tiền mất chị U khai bị mất cùng với chiếc điện thoại di động trên, bị cáo không thừa nhận, chị U không có tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không đủ cơ sở để chấp nhận.

[8]. Đối với hành vi đánh bạc của bị cáo và các đối tượng có liên quan: kiến nghị Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác minh, điều tra, xử lý theo quy định.

[9]. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 22, điểm a, d, đ khoản 1 Điều 23, Điều 47 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và tiểu mục 1 mục I phần A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Hán Văn S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bị hại chị Trần Thị U không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận.

[10]. Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 45, 46, 250, 254, 255, 259, 260, 262, khoản 1 Điều 268, khoản 1 Điều 269, các Điều 298, 299, 326, 327, 329, 331, 333, 336, 337, 339 và Điều 509 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 1, Điều 4, khoản 1 Điều 5 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội.

[1]. Tuyên bố: bị cáo Hán Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[2]. Về điều luật áp dụng và hình phạt: căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173, khoản 1 Điều 12, điểm đ khoản 1 Điều 32, Điều 38, 50, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 52, Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 2017; điểm a khoản 1 Điều 1, Điều 4 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội. Xử phạt: Bị cáo Hán Văn S 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/7/2021. Tiếp tục tạm giam bị cáo S để bảo đảm thi hành án.

[3]. Về xử lý vật chứng: không thu hồi được nên không xem xét.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2017, các Điều 275, 468 và 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo Hán Văn S phải bồi thường cho bị hại chị Trần Thị U số tiền 3.690.000 (ba triệu sáu trăm chín mươi ngàn) đồng.

[4.1]. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền nêu tại mục [4], hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[4.2]. Trường hợp bản án, quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

[5]. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 22, điểm a, d, đ khoản 1 Điều 23, Điều 47 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và tiểu mục 1 mục I phần A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Hán Văn S phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bị hại chị Trần Thị U không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6]. Về quyền kháng cáo: bị cáo Hán Văn S được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại chị Trần Thị U được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo (01);
- Bị hại (01);
- TAND tỉnh Đồng Nai (01);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai (01);
- VKSND cùng cấp (01);
- Cơ quan ĐTCA H. Vĩnh Cửu (01);
- Cơ quan THAHS CA H. Vĩnh Cửu (01);
- Chi cục THADS H. Vĩnh Cửu (01);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng (02)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà**

*(đã ký tên, đóng dấu)*

**Võ Xuân Sơn**